TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÉ **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2017/HNGĐ-ST
Ngày 25-9-2017
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Vân Anh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Minh Đôn.
2. Bà Nguyễn Thị Cương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Thư kí Tòa án nhân dân huyện Yên Thế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 25-9-2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2017/TLST-HNGĐ ngày 25-7-2017 về việc kiện tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2017/QĐST- HNGĐ, ngày 15-9-2017 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Trạc Thị V, sinh năm 1992 (có mặt).
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.
+ Bị đơn**:** Anh Hoàng Ngọc N, sinh năm 1993 (có mặt).
Địa chỉ: Bản V, xã XL, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai của chị Trạc Thị V trình bầy: Chị V kết hôn với anh N vào ngày 16-8-2013, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, mỗi người một quan điểm nên vợ chồng thường sảy ra bất hòa, cãi vã nhau thường xuyên. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 20-9-2016 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không chị V xin ly hôn anh N.

* Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Thị Ngọc A, sinh ngày 12-8-2015, khi ly hôn chị V xin được nuôi con và không yêu cầu anh N góp tiền nuôi con chung cùng.

* Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Chị V không yêu cầu giải quyết.

Tại bản khai của anh N trình bầy: Anh kết hôn cùng chị Trạc Thị V vào ngày 16 tháng 8 năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Lục Ngạn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 7 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, trong làm ăn mỗi người một quan điểm nên vợ chồng thường sảy ra bất đồng, cãi nhau. Đến tháng 9 năm 2016 chị V đã về nhà bố mẹ đẻ ở Lục Ngạn sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị V xin ly hôn anh N không đồng ý với lý do tình cảm giữa anh và chị vẫn còn, anh xin về đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Thị Ngọc A, sinh ngày 02-8-2015. Hiện nay cháu Ngọc A đang ở với chị Ngọt và bà Đàm Thị Minh là bà ngoại của cháu ở Lục Ngạn. Khi ly hôn anh N có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị V cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ: Anh N xác định vợ chồng không có.

Sau khi thụ lý Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh N không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh N vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định, Cụ thể: Xác định đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35 BLTTDS; Xác định đúng tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS; Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng theo đúng Điều 68 BLTTDS; Việc xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ chưa đảm bảo đúng quy định tại Điều 95, 96, 97 BLTTDS; Tiến hành thủ tục thụ lý vụ án theo đúng quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS; Việc thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ đúng quy định tại Điều 208 BLTTDS; Đảm bảo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử tại điểm a khoản 1 Điều 203 BLTTDS; Việc lập hồ sơ vụ án đúng quy định tại Điều 204 BLTTDS; Việc gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu xét xử đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 BLTTDS.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.*

- **Đối với nguyên đơn**: Chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Tại phiên tòa chấp hành đúng quy định tại Điều 234 BLTTDS về nội quy phiên tòa.

- **Đối với bị đơn**: Chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS. Cụ thể: Vắng mặt tại phiên họp công khai tiếp cận giao nộp chứng cứ và hòa giải ngày 04/8/ và ngày 30/8/2017; Vắng mặt tại phiên tòa ngày 15/9/2017 không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã có mặt và chấp hành đúng quy định tại Điều 234 BLTTDS về nội quy phiên tòa.

*** Ý kiến về việc giải quyết vụ án**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trạc Thị V và anh N có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân chị V xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng không chung quan điểm về làm ăn kinh tế. Hai vợ chồng ly thân từ tháng 9/2016 đến nay không ai quan tâm đến ai. Xét thấy mục đích hôn nhân vợ chồng không đạt được, nếu tiếp tục tồn tại sẽ không bảo đảm bền vững lâu dài. Phía anh N cho rằng vẫn còn tình cảm với chị V và không đồng ý ly hôn, nhưng anh N không đưa ra được biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Do đó cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V đối với anh N.

- *Về con chung*: Chị V và anh N có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Ngọc A, sinh ngày 12/8/2015. Chị V và anh N đều có nguyện vọng nuôi cháu A và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện tại chị V đang làm công nhân, có thu nhập ổn định, còn anh N công việc không ổn định, đi làm thuê ít khi về nhà. Do đó cần giao cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng cháu A đến khi đủ 18 tuổi, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản, công nợ chung*: Chị V, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 BLTTDS; Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82; Điều 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326 của UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trạc Thị V. Cho chị Trạc Thị V được ly hôn anh N.

- Giao cháu Hoàng Thị Ngọc A, sinh ngày 12/8/2015 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi 18 tuổi, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn hai bên có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về án phí: Chị V thuộc hộ nghèo nên được miễn tiền án phí.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về Tố tụng:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện anh N đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tòa án làm thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

2. Về nội dung: Xét thấy chị V kết hôn với anh N vào ngày 16-8-2013, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dan xã Đ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, là hôn nhân hợp pháp theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, trong làm ăn mỗi người một quan điểm nên vợ chồng thường sảy ra bất đồng, cãi nhau. Đến tháng 9 năm 2016 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị V đã về nhà bố mẹ đẻ ở Lục Ngạn sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị V xin ly hôn, anh N không đồng ý với lý do tình cảm giữa anh và chị vẫn còn, anh xin về đoàn tụ. Xét thấy tình cảm phải xuất phát từ hai phía, chị V kiên quyết xin ly hôn anh N, chị V và anh N đã sống ly thân trong thời gian dài, không ai quan tâm đến ai, do vậy xác định cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị V xin ly hôn anh N là có cơ sở chấp nhận. Cần căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Trạc Thị V được ly hôn anh N.

* Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Thị Ngọc A, sinh ngày 12-8-2015, khi ly hôn cả chị V và anh N đều có nguyện vọng xin nuôi con, không yêu cầu bên kia đóng góp nuôi con chung. Cháu Ngọc A hiện dưới 36 tháng tuổi, cháu cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, hơn nữa hiện nay cháu ở với chị V vẫn khỏe mạnh, phát triển bình thường. Vì vậy cần giao cho chị V được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Chị V không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

* Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

* Về tiền án phí ly hôn: Chị V thuộc đối tượng hộ nghèo nên được miễn tiền án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 147; Điều 271; Điều 273 BLTTDS; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Trạc Thị V được ly hôn anh N.

2. Về con chung: Giao cho chị Trạc Thị V được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị Ngọc A sinh ngày 12-8-2015. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh N thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Về án phí: Miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho chị Trạc Thị V. Hoàn trả chị Trạc Thị V số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị V đã nộp tại biên lai số: 02185, ngày 25-7-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- THA huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ. Lục Ngạn.
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Vân Anh